TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 196/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023.*

QuyÕt ®Þnh

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: xxx/20xx/TLST-HNGĐ ngày xx/x/20xx về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" giữa:

Người yêu cầu:

1-Chị NHC, sinh ngày xx/xx/19xx; Căn cước công dân số 00119101xxxx do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/xx/20xx; HKTT : xxx, xxx, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nơi làm việc: Công ty cổ phần xxx – xxx, quận Ba Đình, Hà Nội

2 – **Anh NVL**, sinh ngày xx/xx/19xx; Căn cước công dân số 00108502xxxx do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày xx/xx/20xx; HKTT và nơi ở : P xxx tập thể Xx, phường Xx, quận Đống Đa, Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Chị NHC và anh NVL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày xx/xx/20xx tại UBND phường Xx, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị NHC và anh NVL yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày xx/xx/20xx tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị NHC và anh NVL có 01 con chung cháu NAT, sinh ngày xx/xx/20xx. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận chị NHC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu NAT, anh NVL đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là x.000.000 đồng /1 tháng kể từ tháng xx/20xx đến khi con chung NAT trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh chị sẽ tự lo về chỗ ở.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung: Chị NHC và anh NVL xác nhận không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị NHC và anh NVL xác nhận không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Chị NHC tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị NHC và anh NVL.

- Về con chung: Chị NHC và anh NVL có 01 con chung cháu NAT, sinh ngày xx/xx/20xx. Giao cháu NAT cho chị NHC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh NVL đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là x.000.000 đồng /1 tháng kể từ tháng xx/20xx đến khi con chung NAT trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh NVL có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Sau khi ly hôn anh chị sẽ tự lo về chỗ ở.

- Về tài sản và nhà ở chung: Chị NHC và anh NVL không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị NHC và anh NVL không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị NHC tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí LHST, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số xx/20xx/0007xxx ngày xx/xx/20xx tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ba Đình;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán

Vũ Thị Nguyệt